

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2025

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mai Chiến Trực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương

2. Ông Nguyễn Văn Hết

- Thư ký phiên tòa: ông Võ Tuấn Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Đoàn Thị Thanh T, sinh năm 1998.

Nơi cư trú: ấp M, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre, nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

Bị đơn: ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: ấp A, xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre, nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Đoàn Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hữu Đ kết hôn với nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/11/2016, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên đã ly thân từ tháng 9/2023. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Đ nên yêu cầu xin

được ly hôn.

Về con chung: bà và ông Nguyễn Hữu Đ có 01 con chung là Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 16/12/2016. Hiện tại con chung đang ở cùng với bà ở nhà mẹ ruột của bà nên sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, bà yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: bà và ông Đ không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên bà không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được. Vì vậy, bà có đơn xin vắng mặt tại Tòa án và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Hữu Đ đến để tiến hành hòa giải nhưng ông Đ vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật: những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật; bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật trong việc tham gia tố tụng. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Đoàn Thị Thanh T khởi kiện ông Nguyễn Hữu Đ yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Hữu Đ là bị đơn cư trú tại xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre, nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án.

Bà Đoàn Thị Thanh T có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Hữu Đ là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông Đ vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Đoàn Thị Thanh T và ông Nguyễn Hữu Đ kết hôn với nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/11/2016, hôn nhân tự nguyện nên

đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, bà T cho rằng sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên đã ly thân từ tháng 9/2023. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập ông Đ để tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông Đ vắng mặt và không có lời trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thể hiện ông không muốn hàn gắn tình cảm với bà T. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đoàn Thị Thanh T.

[2.2] Về con chung: bà T và ông Nguyễn Hữu Đ có 01 con chung là Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 16/12/2016. Bà T trình bày, hiện tại con chung đang ở cùng với bà T ở nhà mẹ ruột của bà nên sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, bà T yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.2.1] Đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn của nguyên đơn: xét thấy cháu Nguyễn Hoàng N1 đã và đang sống chung với mẹ là bà Đoàn Thị Thanh T. Bên cạnh đó, cháu N1 cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà T, đã có sự gắn bó với bà T và nhằm đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của bà Đoàn Thị Thanh T, giao con chung là Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 16/12/2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

[2.2.2] Đối với yêu cầu ông Nguyễn Hữu Đ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng N1 mỗi tháng 2.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình quy định về Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn như sau: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Như vậy, ông Nguyễn Hữu Đ không trực tiếp nuôi con chung thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định pháp luật.

Tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình như sau: *“Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”*.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hữu Đ đã nhận được thông báo thụ lý vụ án cũng như Tòa án đã mời ông Đ đến Tòa án để tiến hành hòa giải,

trong đó có nội dung về việc cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng ông Đ vắng mặt, không trình bày ý kiến nên giữa bà T và ông Đ không tự thỏa thuận được mức tiền cấp dưỡng cho con. Do đó, Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để quyết định mức cấp dưỡng nuôi con chung và mức cấp dưỡng này không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con.

Mức lương tối thiểu vùng cho 34 tỉnh, thành phố được áp dụng từ ngày 1/7/2025 theo Nghị định số 128-NĐ/CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ thì xã Thành Thới, tỉnh Vĩnh Long thuộc vùng III với mức lương tối thiểu vùng là 3.860.000 đồng/tháng, như vậy, một nửa tháng lương tối thiểu vùng là 1.930.000 đồng.

Do đó, nguyên đơn bà Đoàn Thị Thanh T yêu cầu ông Nguyễn Hữu Đ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Nguyễn Hữu Đ cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 16/12/2016 số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà Đoàn Thị Thanh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà Đoàn Thị Thanh T phải nộp.

Án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng ông Nguyễn Hữu Đ phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án;

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Thanh T đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ, cụ thể tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Đoàn Thị Thanh T được ly hôn ông Nguyễn Hữu Đ.

2. Về con chung:

Giao con chung là Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 16/12/2016 cho bà Đoàn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc ông Nguyễn Hữu Đ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 16/12/2016 mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Hữu Đ có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Đoàn Thị Thanh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Đoàn Thị Thanh T phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011782 ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, nay là Phòng Thi hành án khu vực 9 – Vĩnh Long.

Án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Hữu Đ phải nộp.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: bà Đoàn Thị Thanh T và ông Nguyễn Hữu Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Thành Thới, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Mai Chiến Trục